

**CÔNG TY CỔ PHẦN TM VÀ CN MÔI TRƯỜNG XANH VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TM VÀ CN MÔI TRƯỜNG XANH VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GREEN ENVIRONMENT VIETNAM TM AND CN JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GREEN ENVIRONMENT VIETNAM TM AND CN

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110875861

**3. Ngày thành lập:** 29/10/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 11, ngách 51, ngõ 125 Bùi Xương Trạch, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0985082909

Fax:

Email: [ctcpmoitruongxanhvietnam@gmail.com](mailto:ctcpmoitruongxanhvietnam@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3811(Chính) |
| 2.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4311        |
| 3.  | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Không bao gồm Dò mìn và các loại tương tự (bao gồm cả việc cho nổ) tại mặt bằng xây dựng)                                                                                                                                                                                             | 4312        |
| 4.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4321        |
| 5.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                       | 4322        |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như:<br>+ Thang máy, thang cuốn,<br>+ Cửa cuốn, cửa tự động,<br>+ Dây dẫn chống sét,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung. | 4329        |
| 7.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4330        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | <p>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</p> <p>Chi tiết: + Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc,</p> <p>+ Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước,</p> <p>+ Chống ẩm các toà nhà,</p> <p>+ Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ),</p> <p>+ Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối,</p> <p>+ Uốn thép,</p> <p>+ Xây gạch và đặt đá,</p> <p>+ Lợp mái các công trình nhà để ở,</p> <p>+ Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo,</p> <p>+ Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp,</p> <p>+ Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao.</p> <p>- Các công việc dưới bề mặt;</p> <p>- Xây dựng bể bơi ngoài trời;</p> <p>- Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà;</p> <p>- Thuê cần trục có người điều khiển.</p>                                   | 4390 |
| 9.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4511 |
| 10. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4512 |
| 11. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4513 |
| 12. | <p>Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác</p> <p>Chi tiết: + Sửa chữa phần cơ, phần điện, hệ thống đánh lửa tự động,</p> <p>+ Bảo dưỡng thông thường,</p> <p>+ Sửa chữa thân xe,</p> <p>+ Sửa chữa các bộ phận của ô tô,</p> <p>+ Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn,</p> <p>+ Sửa tấm chắn và cửa sổ,</p> <p>+ Sửa ghế, đệm và nội thất ô tô,</p> <p>+ Sửa chữa, bơm vá xăm, lốp ô tô, lắp đặt hoặc thay thế,</p> <p>+ Xử lý chống gỉ,</p> <p>+ Lắp đặt, thay phụ tùng và các bộ phận phụ trợ không thuộc công đoạn sản xuất;</p> <p>- Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ khác:</p> <p>+ Sửa chữa phần cơ, phần điện, các bộ phận khác của xe có động cơ khác,</p> <p>+ Bảo dưỡng thông thường,</p> <p>+ Sửa chữa thân xe,</p> <p>+ Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn,</p> <p>+ Sửa chữa, bơm vá xăm, lốp lắp đặt hoặc thay thế,</p> <p>+ Xử lý chống gỉ,</p> <p>+ Lắp đặt, thay phụ tùng và các bộ phận phụ trợ không thuộc công đoạn sản xuất.</p> | 4520 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4530 |
| 14. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4632 |
| 15. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(Trừ bán buôn dược phẩm)<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao                                                                                                                                                                                                                                                   | 4649 |
| 16. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4659 |
| 17. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa;<br>- Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế;<br>- Bán buôn sơn và véc ni;<br>- Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi;<br>- Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn;<br>- Bán buôn kính phẳng;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim và khoá;<br>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;<br>- Bán buôn bình đun nước nóng;<br>- Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác;<br>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...;<br>- Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác. | 4663 |
| 18. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định.<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>- Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4932 |
| 19. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4933 |
| 20. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lưu trú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5510 |
| 21. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5610 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 300.000

Thời gian đăng từ ngày 30/10/2024 đến ngày 29/11/2024

8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông               | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                            | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | LÊ THẾ HÙNG               | Thôn Tráng Vũ,<br>Xã Đồng Than,<br>Huyện Yên Mỹ,<br>Tỉnh Hưng Yên,<br>Việt Nam                                                | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 100.000       | 1.000.000.000            | 33,330       | 0330830013<br>10                                                                                                       |            |
|     |                           |                                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                               | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                               | Tổng số                            | 100.000       | 1.000.000.000            | 33,330       |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                               |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN<br>QUANG<br>TRƯỜNG | CH 1813 Tòa<br>Hh2, Kơ 90<br>Nguyễn Tuân,<br>Phường Thanh<br>Xuân Trung,<br>Quận Thanh<br>Xuân, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 100.000       | 1.000.000.000            | 33,340       | 0330830103<br>95                                                                                                       |            |
|     |                           |                                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                               | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                               | Tổng số                            | 100.000       | 1.000.000.000            | 33,340       |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                               |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                |                                                                                     |                                    |         |               |        |                  |
|---|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|--------|------------------|
| 3 | NGUYỄN VĂN DẬU | Thôn Xuân Tảo,<br>Xã Xuân Giang,<br>Huyện Sóc Sơn,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  | 0010800199<br>70 |
|   |                |                                                                                     | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 100.000 | 1.000.000.000 | 33,330 |                  |
|   |                |                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                                     | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                                     | Tổng số                            | 100.000 | 1.000.000.000 | 33,330 |                  |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài , nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     |             |                                                                                  |                 |               |                                                                                      |              |                                                                                                                                             |            |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN QUANG TRƯỜNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/09/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 033083010395

Ngày cấp: 19/04/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: CH 1813 Tòa Hh2, Knc 90 Nguyễn Tuân, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: CH 1813 Tòa Hh2, Knc 90 Nguyễn Tuân, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội